

# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. Thông tin chung

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1969

Nơi sinh: Bệnh Viện A - Tuyên Quang

Quê quán: Xã Tứ Yên, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc

Đơn vị công tác: Khoa toán - Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Học vị: Tiến sĩ, bảo vệ năm 2002, Chuyên ngành: Toán giải tích

Chức danh khoa học: Giảng viên chính Công nhận năm: 2006

Môn học giảng dạy:

*Môn học giảng dạy đại học:*

- Các học phần: Đại số tuyến tính, Hình học affin, Hình học Euclid, Hình học xạ ảnh, Hình học vi phân cho sinh viên ngành SP Toán
- Các học phần: Lô gíc toán, Toán cơ sở, Thống kê cho sinh viên ngành GD Mầm non, GD Thể chất, Tâm lý - Giáo dục.

*Môn học giảng dạy sau đại học:*

Đại số tuyến tính, Metric và khoảng cách bất biến.

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán giải tích (Thác triển ánh xạ chỉnh hình trong giải tích phức và một số vấn đề liên quan).

**Ngoại ngữ:** Tiếng Anh (Cử nhân); Tiếng nga (cơ bản).

Địa chỉ liên hệ: Khoa Toán Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, số 20 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại nhà riêng: 02803855376; Điện thoại di động: 0983691105;

Địa chỉ E-mail: [maisptn@gmail.com](mailto:maisptn@gmail.com)

## II. Quá trình đào tạo

- Tốt nghiệp Đại học: ngành Sư phạm Toán học năm 1991, tại Trường Đại học Sư phạm Việt bắc (nay là Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên).

- Tốt nghiệp Thạc sỹ khoa học (chuyên ngành Hình học và tô pô) năm 1996, tại Trường Đại học Sư phạm Hà nội.

- Tốt nghiệp Tiến sỹ khoa học Toán học năm 2002, tại Trường Đại học Sư phạm Hà nội.

## III. Các công trình khoa học đã công bố

### Bài báo đăng Tạp chí quốc tế

[1]. Đỗ Đức Thái, Nguyễn Thị Tuyết Mai, (2000), "Hartog - type extension theorems for separately holomorphic mappings on compact sets", Inter. Jour. Math. Vol 11, No. 5, 723-735 (SCI).

[2]. Đỗ Đức Thái, Nguyễn Thị Tuyết Mai (2001), "Hartogs - type extension theorem and singular sets of separately holomorphic mappings on compact sets with values in



a weakly Brody hyperbolic complex space", Inter. Jour. Math. Vol 12, No. 7, 857-865 (SCI).

[3]. Đỗ Đức Thái, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thái Sơn (2003), "Noguchi - type convergence - extension theorems for  $(n,d)$  - sets", Ann. Pol. Math.82.3, 189-201 (SCIE).

[4]. Đỗ Đức Thái, Nguyễn Thị Tuyết Mai, (2002), "On the Kahlerity of complex space having the Hartogs extension property", Inter. Jour. Math. Vol 13, No. 4, 369-371 (SCI).

#### **Bài báo đăng Tạp chí trong nước**

[1]. Nguyễn Thị Tuyết Mai (1997), "Nghiên cứu và đề xuất một phương pháp tính định thức", Thông báo khoa học trường Đại học Sư phạm -ĐH TN, 4, 23-27.

[2]. Nguyễn Thị Tuyết Mai (1998), "Mặt tròn xoay có độ cong trung bình không đổi trong không gian giả Euclid 4 chiều", Thông báo khoa học trường Đại học Sư phạm -ĐH TN, , 23-28.

[3]. Ninh Văn Thu, Nguyễn Thị Tuyết Mai, (2007), "Characterization of models of complex manifolds of dimension 2 by their noncompact automorphism groups", Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái nguyên, 44, N0 2, 12-19.

#### **Bài báo đăng Hội nghị trong nước**

[1]. Lê Mậu Hải, Đỗ Đức Thái, Nguyễn Thị Tuyết Mai, (2002), "Hartogs - type extension theorem and singular sets of separately holomorphic mappings on compact sets", Proceedings of the sixth Vietnamese Mathematical conference, Hue, September 7-10th, 209-224.

#### **IV. Đề tài KH&CN các cấp đã chủ trì**

##### **Cấp Bộ/Tỉnh**

1. Lý thuyết hàm chỉnh hình trên không gian phức hyperbolic (2007). Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ, Mã số B2006 - TN04- 16.

##### **Cấp Đại học/cơ sở**

1. Một số giả khoảng cách hình học (2001), Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

2. Metric Kobayashi trên đa tạp phức và đa tạp hầu phức (2005), Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

3. Xây dựng kế hoạch giảng dạy và bài giảng điện tử cho học phần toán cơ sở theo hướng tích cực hoá nhận thức của người học (2010), Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

##### **V. Sách và Giáo trình**

1. Nguyễn Thị Tuyết Mai (nghiệm thu và đưa vào sử dụng 2003), *Đại số tuyến tính* (Dùng cho ngành Sư phạm tin – ĐHSPT)

2. Nguyễn Thị Tuyết Mai (nghiệm thu và đưa vào sử dụng 2013), *Toán cơ sở* (Dùng cho ngành GD Mầm non)

3. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2014), *Thống kê xã hội học* (Dùng cho các ngành GD Mầm non, GD Thể chất, Tâm lý giáo dục), NXB Giáo dục Việt Nam

4. Nguyễn Thị Tuyết Mai - Dương Quang Hải ((nghiệm thu và đưa vào sử dụng 2018),  
*Hình học tuyến tính*

**VI. Hướng dẫn sau đại học**

- Đã hướng dẫn 14 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

**VII. Khen thưởng về Khoa học và công nghệ**

*Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2019*

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG QLKH&HTQT**

**Người khai**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**